TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 454/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

2. Ông Nguyễn Duy Thanh Tùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị A – sinh năm 198x; địa chỉ: Đường D, Phường S, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trương Công Q – sinh năm 198x; địa chỉ: Đường V, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 13/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Phan Thị A trình bày: Bà và ông Trương Công Q tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày x/x/201x. Thời gian đầu vợ chồng chung sống khá hạnh phúc, khi bà sinh người con đầu lòng vào năm 201x thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thời điểm này ông Q bị mất việc làm, sau thời gian không tìm được việc phù hợp thì ông thay đổi tính tình, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, thường tụ tập tập bạn bè chơi bời, tham gia các tệ nạn xã hội và mỗi khi bà góp ý thì ông Q không kềm chế và kiểm soát được bản thân từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã, thỉnh thoảng ông Q có hành vi bạo lực với bà. Đến năm 201x, khi bà sinh người con thứ 2, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong khi đó, một mình bà vừa phải lo cho 2 con vừa phải lo kinh tế gia đình nên rất mệt mỏi, áp lực . Do đó, từ khoảng năm 201x – 202x, nhiều lần bà đã chọn giải pháp sống ly thân, bà cùng các con dọn về nhà ba

mẹ ruột sống. Do ông Q hứa sẽ cố gắng thay đổi và nghĩ vì các con nên bà lại cố gắng bỏ qua để gia đình đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống và lo cho 02 con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Hoàng U – sinh ngày x/x/201x và Trương Hoàng L – sinh ngày x/x/201x. Do các con còn nhỏ, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm lo cho con, phía ông Q sống không có trách nhiệm nên bà yêu cầu được nuôi cả 2 con và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bị đơn, ông Trương Công Q vắng mặt và không có ý kiến gì dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý vụ án đến tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Quá trình chung sống, hai bên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bị đơn không thể hiện việc mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn và bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số x, quyển số x/201x, đăng ký ngày x/x/201x tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Để xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng và cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, qua lời trình bày của nguyên đơn thể hiện vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc và

giúp đỡ lẫn nhau. Phía bị đơn sống không có trách nhiệm trong việc lo kinh tế gia đình cũng như chăm sóc, giáo dục các con và có hành vi bạo hành gia đình. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập bị đơn lên Tòa để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung của nguyên đơn nhưng bị đơn không lên và không có bất ý kiến gì thể hiện thái độ không quan tâm và không có mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân của hai bên đương sự trong quá trình chung sống tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình nhưng không có thông tin gì thêm. Vì vậy, từ những nhận định trên nhận thấy bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trương Hoàng U – sinh ngày x/x/201x và Trương Hoàng L – sinh ngày x/x/201x, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con do bà tự kinh doanh buôn bán và có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử nhận thấy cả hai con đều còn nhỏ và từ trước đến nay vẫn được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Phía bị đơn không có yêu cầu, ý kiến gì về vấn đề này, do đó để đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng và sự phát triển ổn định của trẻ Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho bị đơn.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến và không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phan Thị A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị A được ly hôn với ông Trương Công Q

1.2. Về con chung: Bà Phan Thị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Hoàng U – sinh ngày x/x/201x và Trương Hoàng L – sinh ngày x/x/201x. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Trương Công Q do bà A chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Phan Thị A chịu, được cấn trừ vào số tiền bà A đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/202x/0030x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản sao án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo